

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **179/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/12/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nga**.
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 677/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/06/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 389/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Minh Ngọc H**, sinh năm 1985 – Có mặt.

Địa chỉ: B2/22 Quốc lộ 50, tổ 117, ấp 2A, xã B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Đỗ Thế V**, sinh năm 1981 – Vắng mặt.

Địa chỉ: B1/4C ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 16/5/2018, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Minh Ngọc H trình bày:

Bà H và ông Đỗ Thế V chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 146. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù ông bà đã cố gắng hàn gắn. Bà H và ông V đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Thế V.

Về con chung: Bà H và ông V chung sống có 01 con chung tên là Đỗ Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 27/11/2012. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con

chung. Trước đây khi nộp đơn xin ly hôn, bà H có yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng; nay bà H thay đổi ý kiến như sau: Bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con vì bà H có khả năng.

Về tài sản chung: Bà H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Đỗ Thế V trình bày:

Ông V và bà H chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 146. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà cũng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do lỗi của ông V không quan tâm chăm sóc vợ con. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Ông V khẳng định vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Minh Ngọc H. Ông muốn vợ chồng đoàn tụ để con có đủ cha mẹ, vợ chồng cùng nhau xây dựng lại hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Ông V và bà H chung sống có 01 con chung tên là Đỗ Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 27/11/2012. Ông V không đồng ý ly hôn do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Ông V yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông V vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Về Tố tụng: trong suốt quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Lê Minh Ngọc H đối với ông Đỗ Thế V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Minh Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Thế V. Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh của Công an xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Đỗ Thế V hiện đang cư trú tại địa chỉ: B1/4C ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Đỗ Thế V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyền số 2009 do Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2009 thì

có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Minh Ngọc H và ông Đỗ Thế V là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xác nhận thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp và đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Cả hai đã ly thân năm 2014 cho đến nay. Vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông V.

Dù ông V không đồng ý ly hôn với bà H vì cho rằng ông vẫn yêu thương vợ con, muốn vợ chồng đoàn tụ để con có đủ cha đủ mẹ, vợ chồng cùng nhau xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng ông V lại không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay ông V không có mặt, chứng tỏ ông V không có thiện chí đoàn tụ. Nhận thấy, bà H và ông V đã ly thân 04 năm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân đã không còn đạt được. Nay bà H cương quyết ly hôn, không còn muốn chung sống với ông V nữa.

Căn cứ theo Phiếu trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về tình trạng hôn nhân của bà H và ông V như sau: “Về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đỗ Thế V và bà Lê Minh Ngọc H: Không rõ. Hiện nay ông V và bà H và ông V không còn sống chung với nhau. Về hoàn cảnh kinh tế của ông Đỗ Thế V: ổn định”.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H yêu cầu ly hôn với ông V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống Bà H và ông V chung sống có 01 con chung tên là Đỗ Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 27/11/2012. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì trẻ H1 đã sống cùng với bà H từ nhỏ kể cả trong thời gian bà H và ông V ly thân. Ông V trình bày do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Tại phiên tòa ông V vắng mặt, không có nào văn bản trình bày nguyện vọng về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của bà H về con chung là phù hợp và cũng thuận lợi nhất cho con trẻ H1 vì bà H là mẹ lại gần gũi và chăm sóc con gái từ nhỏ nên bà H có đầy đủ điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn ông V. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ H1.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] *Về tài sản chung*: Cả hai đều yêu cầu tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Cả hai đều xác nhận không nợ ai. Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Minh Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Minh Ngọc H đối với ông Đỗ Thế V.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Minh Ngọc H và ông Đỗ Thế V chấm dứt. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 146 ngày 08/12/2009 do Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B, Tp.HCM cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Đỗ Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 27/11/2012 cho bà Lê Minh Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đỗ Thế V do bà H có khả năng và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Cả hai xác định tự thỏa thuận. Tòa không xét.

4. Về nợ chung: cả hai xác định không nợ ai. Tòa không xét.

5. Về án phí: Bà Lê Minh Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/005150 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B (1);
- Các đương sự (4);
- UBND xã B1, huyện B, TP.HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền